**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TUY ĐỨC**
**TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16/4/2019.
"*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Long Ca.
*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.
***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa****:* Ông Điểu Smi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa****:* Ông Phạm Ngọc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Anh Doãn Đình H, sinh năm 1992;
Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N - Có mặt tại phiên tòa.
***2. Bị đơn*:** Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N - Vắng mặt tại phiên tòa.
***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Cháu Doãn Thị Quỳnh N, sinh ngày 25/4/2012.
***Người đại diện hợp pháp của cháu N*** : Chị Nguyễn Thị G – Vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Doãn Đình H trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh H và chị Nguyễn Thị G đã tự do tìm hiểu và đến chung sống với nhau từ ngày 19 tháng 11 năm 2012, khi đến chung sống cả hai hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối gì nhau. Cả hai đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N.

Trong quá trình chung sống hai vợ chồng sống rất hạnh phúc và sinh được 01 con chung tên Doãn Thị Quỳnh N, sinh ngày 25/4/2012. Đến khoảng đầu năm 2013

thì không còn được hạnh phúc như xưa và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình cả hai vợ chồng không còn hòa hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cải vả nhau. Gia đình hai bên và anh em họ hàng đã khuyên nhủ nhiều nhưng chị Gấm không chịu sửa chữa mà càng phát sinh mâu thuẫn nhiều hơn làm cho cuộc sống chung của hai vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Vào ngày 15 tháng 03 năm 2014 chị Nguyễn Thị G cùng con Doãn Thị Quỳnh N đã bỏ nhà đi từ đó đến nay không biết đi đâu, làm gì và anh H cũng không có bất cứ tin tức gì về chị G và cháu N. Khi đi chị G không thông báo tạm vắng với chính quyền địa phương.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 anh H đã làm thủ tục "*Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú"* đối với chị Nguyễn Thị G và con Doãn Thị Quỳnh N tại Đài TNVN khu vực T N, nội dung nhắn tìm chị Nguyễn Thị G và con Doãn Thị Quỳnh N trong 03 số liên tiếp nhưng vẫn không có tin tức gì về vợ và con.

Trong năm 2018 anh H tiếp tục làm thủ tục *"Yêu cầu tuyên bố một người mất tích"*. Đến ngày 30/11/2018 anh H được Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên họp và đồng ý.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết cho anh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị G.

*Về con chung:* Trong quá trình chung sống anh H và chị G có với nhau 01 con chung tên Doãn Thị Quỳnh N, sinh ngày 25/4/2012. Hiện nay con Doãn Thị Quỳnh N đang sống cùng với chị G. Vì vậy anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án:***

Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn nên cần xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 - BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 56 - Luật HNGĐ; khoản 2 Điều 68-BLDS; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Doãn Đình H, anh Doãn Đình H được ly hôn với chị Nguyễn Thị G.

Về con chung: Anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Doãn Đình H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố

tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, bị đơn cùng có địa chỉ tại thôn 2, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39-Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành niêm yết các thủ tục hợp lệ như thông báo thụ lý vụ án; công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự theo quy định. Do không tiến hành hòa giải được nên Toà án ban hành quyết định đưa ra xét xử vào ngày 01 tháng 3 năm 2019. Phiên tòa lần thứ nhất chị Nguyễn Thị G vắng mặt không có lý do, tòa án đã hoãn phiên tòa và niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị G tiếp tục vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị G.

[3] Về quan hệ pháp luật: Anh H và chị G đến và chung sống với nhau từ năm 2012 cả hai đăng ký kết hôn số 79/2012, ngày 19 tháng 11 năm 2012 tại UBND xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N. Như vậy có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Doãn Đình H và chị Nguyễn Thị G là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 - Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa anh Doãn Đình H và chị Nguyễn Thị G khi đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc hay lừa dối gì nhau, cả hai làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị G là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn với nhau nên không tôn trọng nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ; anh H và chị G đã sống ly thân với nhau từ ngày 15 tháng 3 năm 2014 cho đến nay.Điều này cho thấy "Tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị G là mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được". Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Doãn Đình H.

[5] Trong thời gian chung sống anh Doãn Đình H và chị Nguyễn Thị G có 01 con chung tên Doãn Thị Quỳnh N, sinh ngày 25/4/2012. Hiện nay con Doãn Thị Quỳnh N đang mất tích cùng với chị G. Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Doãn Đình H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 227; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 68-BLDS; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Doãn Đình H với chị Nguyễn Thị G. Anh Doãn Đình H được ly hôn với chị Nguyễn Thị G. Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2012, ngày 19 tháng 11 năm 2012 do Ủy ban nhân dân xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N cấp không còn giá trị pháp lý.

**2.** Về con chung: Anh Doãn Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Anh Doãn Đình H trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**4.** Về án phí: Anh Doãn Đình H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền anh H đã nộp theo biên lai số 0004641, ngày 02 tháng 01 năm 2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

**5.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND H. Tuy Đức;
- Chi cục THA DS huyện Tuy Đức;
- UBND xã Đăk Buk So;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

***Phan Long Ca***